

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2023

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Định.

2. Bà Phạm Thị Thùy Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, về việc: “ Yêu cầu không công nhận là vợ chồng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1964.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1958.

Đồng cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bà M có mặt; Ông D vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày: Năm 1983 tôi có chung sống thực tế như vợ chồng đối với ông Nguyễn Ngọc D và được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 1983, tuy nhiên giấy đăng ký kết hôn do ông D xé mất nên tôi không cung cấp cho Tòa án được. Quá trình chung sống sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do do ông D thường xuyên chơi cờ bạc về nhà đánh đập tôi, lâu nay vẫn sống chung. Trước đây tôi đã 03 lần gửi đơn xin ly hôn, nhưng vì thương các con nên tôi đã rút đơn. Nay tôi không còn tình cảm gì với ông D nên yêu cầu xin được ly hôn với ông D

-Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1988. Hiện nay đã trưởng thành tôi không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D vắng mặt, tại biên bản hòa giải ngày 12/9/2023 và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 12/9/2023 ông D trình bày. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, tôi và bà M có đăng kết hôn năm 1983 tại UBND xã A như bà M trình bày là đúng. Vấn đề mâu thuẫn, có lần tôi đánh đập bà M nhưng hiện nay vẫn còn tình cảm và muốn đoàn tụ gia đình.

-Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1988. Hiện nay đã trưởng thành tôi không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D; Về con chung và tài sản chung, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị M khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D, cư trú tại: Phú L, An M, Tuy A, Phú Yên về việc: “ Yêu cầu không công nhận là vợ chồng ”. Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2023, UBND xã A cho biết: Qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã thấy rằng, từ năm 1978 đến nay bà M, ông D không đăng ký kết hôn tại UBND xã An M, bà M và ông D có chung sống thực tế như vợ chồng từ năm 1984 đến nay; Tuy nhiên theo hướng dẫn tại điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH ngày 09/6/2000 cho thấy: bà M và ông D đã chung sống thực tế như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, tuy không đăng ký kết hôn nhưng vẫn công nhận là vợ chồng. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị M và ông Nguyễn Ngọc D có chung sống thực tế như vợ chồng từ năm 1984 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, theo nội dung tại biên bản xác minh ngày 30/10/2023 của UBND xã A là đúng thực tế. Theo tinh thần tại điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH ngày 09/6/2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà M cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn, về nhà hành hung đánh đập bà và cương quyết xin ly hôn với ông D. Tại biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 12/9/2023, ông D trình bày và thừa nhận có lần đánh đập bà M, tuy nhiên hiện nay vẫn còn tình cảm và muốn đoàn tụ gia đình.

HĐXX nhận định: Quá trình chung sống bà M và ông D có xảy ra mâu thuẫn, ông D thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn, về nhà hành hung đánh đập bà M; Ông

D xin đoàn tụ nhưng không cải thiện tính nết, thiếu tinh thần trách nhiệm. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985, Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1988. Hiện nay đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trương Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 010513 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình

